TỔNG HỢP THÔNG TIN GIAO DỊCH
TRADING SUMMARY

Ngày:
Date: **29/09/2023**

1. Chỉ số chứng khoán
(Indices)

Chỉ số Indices	Đóng cửa Closing value	Tăng/Giảm +/- Change	Thay đổi (%) % Change	GTGD (tỷ đồng) Trading value (bil.dongs)
VNINDEX	1,154.15	1.72	0.15	13,960.33
VN30	1,166.26	1.81	0.16	6,354.39
VNMIDCAP	1,644.08	4.21	0.26	5,752.25
VNSMALLCAP	1,365.24	4.34	0.32	1,326.60
VN100	1,148.47	2.12	0.18	12,106.64
VNALLSHARE	1,160.57	2.26	0.20	13,433.24
VNXALLSHARE	1,857.57	4.28	0.23	15,224.36
VNCOND	1,665.82	0.01	0.00	537.40
VNCONS	699.15	-2.47	-0.35	1,573.49
VNENE	642.30	-3.66	-0.57	181.54
VNFIN	1,388.71	4.04	0.29	3,906.91
VNHEAL	1,719.09	5.37	0.31	10.33
VNIND	727.89	1.05	0.14	2,974.54
VNIT	3,355.69	-37.26	-1.10	451.28
VNMAT	1,913.65	-15.10	-0.78	1,354.87
VNREAL	973.58	15.83	1.65	2,218.98
VNUTI	886.64	6.62	0.75	204.32
VNDIAMOND	1,845.90	-3.58	-0.19	1,633.44
VNFINLEAD	1,852.52	5.22	0.28	3,210.76
VNFINSELECT	1,859.76	5.42	0.29	3,906.02
VNSI	1,832.00	1.39	0.08	2,566.16
VNX50	1,934.87	2.89	0.15	9,883.73

2. Giao dịch toàn thị trường
(Trading total)

Nội dung Contents	KLGD (ck) Trading vol. (shares)	GTGD (tỷ đồng) Trading val. (bil. Dongs)
Khớp lệnh	536,102,361	12,005
Thỏa thuận	38,882,197	1,961
Tổng	574,984,558	13,965

Top 5 chứng khoán giao dịch trong ngày
(Top volatile stock up to date)

STT No.	Top 5 CP về KLGD Top trading vol.		Top 5 CP tăng giá Top gainer		Top 5 CP giảm giá Top loser	
	Mã CK Code	KLGD (cp) Trading vol. (shares)	Mã CK Code	%	Mã CK Code	%
1	VIX	20,665,507	YBM	6.97%	CLL	-13.07%
2	SSI	19,993,322	S4A	6.97%	PMG	-6.84%
3	GEX	18,426,551	ABS	6.94%	FMC	-6.84%
4	VND	17,395,744	KPF	6.93%	SRF	-6.01%
5	DIG	17,305,738	TMP	6.92%	CLW	-5.43%

Giao dịch của NĐTNN
(Foreigner trading)

Nội dung Contents	Mua Buying	%	Bán Selling	%	Mua-Bán Buying-Selling
KLGD (ck) Trading vol. (shares)	31,079,802	5.41%	53,924,756	9.38%	-22,844,954

GTGD (tỷ đồng) **Trading val. (bil. Dongs)**	1,036	7.42%	1,573	11.26%	-537

Top 5 Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài
(Top foreigner trading)

STT	Top 5 CP về KLGD NĐTNN Top trading vol.		Top 5 CP về GTGD NĐTNN		Top 5 CP về KLGD NĐTNN mua ròng	
1	VRE	5,001,222	FPT	223,927,581	HPG	181,983,915
2	HPG	4,922,435	VHM	164,875,862	HSG	79,996,213
3	GEX	4,002,700	MWG	141,015,450	HDB	45,108,368
4	CTG	3,788,300	VRE	131,410,364	SSI	41,716,355
5	VHM	3,565,321	HPG	130,300,640	VCG	28,637,641

3. Sự kiện doanh nghiệp

STT	Mã CK	Sự kiện
1	TCO	TCO giao dịch không hưởng quyền - tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023, thời gian và địa điểm tổ chức đại hội công ty sẽ thông báo sau.
2	CLL	CLL giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 36,8%, ngày thanh toán: 12/10/2023.
3	SBT	SBT giao dịch không hưởng quyền - tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023, dự kiến tổ chức đại hội vào ngày 27/10/2023 tại trụ sở công ty.
4	VGC	VGC giao dịch không hưởng quyền - chi tạm ứng cổ tức 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%, ngày thanh toán: 24/10/2023.
5	CAV	CAV giao dịch không hưởng quyền - chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 40%, ngày thanh toán: 20/10/2023.
6	MIG	MIG nhận quyết định niêm yết bổ sung 8.222.500 cp (phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 29/09/2023.
7	GMD	GMD nhận quyết định niêm yết bổ sung 4.520.600 cp (phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 29/09/2023.
8	FUESSVFL	FUESSVFL niêm yết và giao dịch bổ sung 5.100.000 ccq (giảm) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 29/09/2023.
9	E1VFVN30	E1VFVN30 niêm yết và giao dịch bổ sung 4.100.000 ccq (tăng) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 29/09/2023.